

### **1. PHI1004 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1 cung cấp cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học đúng đắn thông qua những nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Trình bày hệ thống quan niệm của triết học Mác - Lênin về tự nhiên, xã hội và con người, mối quan hệ giữa tự nhiên, xã hội và con người; những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và của tư duy con người. Lý luận của triết học Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội, về giai cấp, đấu tranh giai cấp giải phóng con người, về dân tộc, cách mạng xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân lãnh tụ trong lịch sử.

### **2. PHI1005 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: PHI1004 Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác -Lênin1

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2” cung cấp cho người học: Những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn chỉ ra tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó làm rõ những cơ sở lý luận cơ bản, trực tiếp dẫn đến sự ra đời và những nội dung chủ yếu của học thuyết Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội.

### **3. POL1001 Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: PHI1005

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: - Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; - Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới. - Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

### **4. HIS1002 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: POL1001 (Tư tưởng Hồ Chí Minh)

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” giới thiệu đến sinh viên: + Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam; + Những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đường

lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

#### **5. INT1004 Tin học cơ sở 2 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp các kỹ năng tối thiểu cần thiết để có thể sử dụng máy vi tính vào công việc của người giáo viên và của người sinh viên sư phạm, có thể tiếp thu nhanh chóng và sử dụng được các phần mềm dạy học (ví dụ : các chương trình thí nghiệm ảo, chương trình hỗ trợ vẽ hình, các chương trình multimedia...). Tập trung vào các kỹ năng như sử dụng máy vi tính để soạn thảo giáo án, luận văn, tiểu luận, truy tìm các thông tin bổ sung cho bài giảng, luận văn, tiểu luận thông qua Internet và thư viện điện tử, để trình chiếu bài giảng, luận văn, quản lý điểm của học sinh, thực hiện, và các tính toán thống kê đơn giản.

#### **6. Ngoại ngữ A1 4 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Theo nội dung đề cương giảng dạy các môn Ngoại ngữ chung trong ĐHQGHN.

#### **7. Ngoại ngữ A2 5 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Ngoại ngữ A1

Tóm tắt nội dung học phần: Theo nội dung đề cương giảng dạy các môn Ngoại ngữ chung trong ĐHQGHN.

#### **8. Ngoại ngữ B1 5 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Ngoại ngữ A2

Tóm tắt nội dung học phần: Theo nội dung đề cương giảng dạy các môn Ngoại ngữ chung trong ĐHQGHN.

#### **9. Giáo dục thể chất 4 tín chỉ**

Theo nội dung giảng dạy chung trong ĐHQGHN.

#### **10. Giáo dục quốc phòng-an ninh 8 tín chỉ**

Theo nội dung giảng dạy chung trong ĐHQGHN.

**11. Kỹ năng mềm 3 tín chỉ Theo nội dung giảng dạy chung trong ĐHQGHN.**

**12. JAP1001 Địa lý đại cương 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và những từ vựng tiếng Nhật liên quan đến địa lý, sự phân chia địa lý các khu vực trên thế giới nói chung, trên cơ sở đó cung cấp những đặc trưng cơ bản về đặc điểm địa lý của nước Nhật như địa hình, thời tiết, điều kiện tài nguyên, sự phân chia hành chính và các đặc trưng của từng vùng trên nước Nhật.

**13. JAP1002 Môi trường và phát triển 3 tín chỉ**

Môn học: tự chọn

Môn học tiên quyết: Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần:

- Giới thiệu các vấn đề cơ bản về môi trường và phát triển.
- Mối liên hệ giữa môi trường và phát triển xã hội bền vững.
- Các vấn đề về bảo vệ môi trường và vai trò của nhà trường với bảo vệ môi trường.
- Giới thiệu các thuật ngữ liên quan đến chủ đề môi trường và phát triển.

**14. MAT1078 Thống kê cho khoa học xã hội 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Theo nội dung trong Đề cương chi tiết học phần của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

**15. MAT1092 Toán cao cấp 4 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giới thiệu về đại số tuyến tính (vector, ma trận, hệ phương trình tuyến tính); giải tích toán học (hàm số liên tục, đạo hàm và tích phân, hàm nhiều biến); lý thuyết cơ bản của phương trình vi, sai phân. Cụ thể tìm hiểu không gian vector, định thức, hạng của ma trận, ma trận không suy biến, phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính. Nghiên cứu các tính liên tục hàm số, đạo hàm và tích phân của hàm số một biến, đạo hàm riêng của hàm số

nhiều biến. Nhận dạng và biết các phương pháp giải một số lớp bài toán cơ bản trong phương trình.

#### **16. MAT1101 Xác suất thống kê 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Toán cao cấp ( MAT1092) Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 2 phần chính: Phần Xác suất và Phần Thống kê. Phần Xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và phân phối của nó, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên một số phân phối thường gặp trong thực tế, luật số lớn và các định lý giới hạn. Phần thống kê giới thiệu cho sinh viên các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết các bài toán này như bài toán ước lượng khoảng, bài toán kiểm định giả thiết, bài toán tương quan và hồi quy... Môn học cũng giúp sinh viên có thể dung được một phần mềm thống kê để trợ giúp cho công việc của mình

#### **17. HIS1052 Cơ sở văn hóa Việt Nam 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hóa như: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. Môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hóa Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hóa; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và phương Tây. Qua đó giúp cho người học có thêm hiểu biết về văn hóa các dân tộc VN cũng như các nước trên thế giới. Môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam còn giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam như ngôn ngữ, tôn giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo), tín ngưỡng (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu), lễ hội...; diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến nay và những đặc trưng của các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

#### **18. LIN1001 Nhập môn Việt ngữ học 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Phần ngữ âm cung cấp một số kiến thức như: đặc điểm của âm tiết tiếng Việt; cấu tạo của âm tiết tiếng Việt; hệ thống âm vị tiếng Việt; một số vấn đề về chữ viết và chính tả tiếng Việt. Phần ngữ nghĩa cung cấp các kiến thức về nghĩa của từ (đơn vị cấu tạo từ; nghĩa của từ, quan hệ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa trong từ vựng, biến đổi trong từ vựng, các lớp trong từ vựng); nghĩa của câu (nghĩa miêu tả của câu; cấu trúc nghĩa miêu tả trong câu tiếng Việt). Phần ngữ pháp cung cấp kiến thức về từ loại tiếng Việt (tiêu chí phân loại, kết quả phân định từ loại tiếng Việt), cụm từ tiếng Việt (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ), câu tiếng Việt xét về cấu tạo ngữ pháp và thành phần câu tiếng Việt. Phần ngữ dụng cung cấp một số lí

thuyết được coi là xương sống như: lý thuyết hoạt động giao tiếp, lý thuyết hành động ngôn ngữ; lý thuyết hội thoại.

## **19. VLF1051 Tiếng Việt thực hành 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Phân môn Tiếng Việt thực hành gồm có các nội dung cơ bản sau: - Phần thứ nhất: Tiếp nhận văn bản Phần tiếp nhận văn bản giới thiệu một cách khái quát về văn bản và giản yếu về một số loại văn bản, kỹ năng xác định chủ đề chung và chủ đề bộ phận, giới thiệu cách tóm tắt một văn bản khoa học, cách thức tổng thuật tài liệu khoa học. - Phần thứ hai: Tạo lập văn bản Phần tạo lập văn bản giới thiệu các bước lập đề cương bài viết (yêu cầu cơ bản của đề cương, các dạng đề cương bài viết), giới thiệu các kiểu tổ chức văn bản, cách viết đoạn văn và liên kết đoạn văn. Phần này còn cung cấp lý thuyết về lập đề cương nghiên cứu khoa học, cách trình bày lịch sử vấn đề, phong cách ngôn ngữ của luận văn và giới thiệu cấu trúc thường gặp của một luận văn. - Phần thứ ba: Rèn luyện lý năng đặt câu, dùng từ trong văn bản

Khi đặt câu trong văn bản, cần phải tuân thủ theo những yêu cầu chung: câu cần cấu tạo đúng quy tắc ngữ pháp, câu cần đúng về nội dung ý nghĩa, câu được đánh dấu bằng những dấu câu thích hợp và câu cần có sự liên kết chặt chẽ với nhau trong văn bản. Theo đó việc đánh giá tính đúng/sai của câu cũng phải căn cứ vào những yêu cầu đó, dựa vào đó mà phân tích lỗi, tìm nguyên nhân mắc lỗi và sửa câu. Các lỗi thường gặp về câu là: lỗi về cấu tạo câu, lỗi về dấu câu và lỗi về liên kết câu. Trong việc rèn luyện về câu, cũng như trong thực tiễn tạo lập văn bản cũng cần tiến hành một số thao tác như: tách câu, thay đổi trật tự các bộ phận trong câu...

## **20. FLF1002 Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu, trong đó bao gồm những khái niệm và quy tắc cơ bản của nghiên cứu. Ngoài ra, tham gia khóa học, sinh viên có cơ hội thực hành những bước cơ bản đầu tiên của việc làm nghiên cứu khoa học. Sau khi nắm được những khái niệm và phương pháp cơ bản của việc nghiên cứu khoa học, sinh viên có thể ứng dụng ngay những kiến thức lĩnh hội đó, cụ thể là viết bài nghiên cứu khoa học, bài báo cáo, trình bày cũng như việc tiếp cận với tài liệu chuyên ngành và các nguồn trên Internet. Trình tự các bước của việc nghiên cứu, từ việc lựa chọn chủ đề, việc xây dựng nội dung bài nghiên cứu cho tới việc sử dụng nguồn tài liệu và cách sử dụng phương tiện hiện đại là trọng tâm của học phần.

## **21. Logic học đại cương 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này lấy người học làm trung tâm, yêu cầu người học phải đóng vai trò chủ đạo trong quá trình học tập. Đây là khoa học nghiên cứu những hình thức và các quy luật của tư duy hướng vào việc nhận thức đúng đắn hiện thực khách quan. Nghiên cứu logic học người học sẽ nhận ra được những điều kiện cần thiết để nhận thức

con người đạt đến tri thức chân thật, người học biết phân tích kết cấu của quá trình tư tưởng, nắm bắt được những thao tác logic và phương pháp lập luận chuẩn xác.

## **22. FLF1003 Tư duy phê phán 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này tập trung vào năm chủ điểm lớn, đó là “Phát triển khái niệm”, “Phân tích thông điệp”, “Phát hiện những quan niệm có tính chất thiện vị (thành kiến)”, “Phân tích lập luận” và “Giải quyết vấn đề”, qua đó người học sẽ được thực hành và phát triển khả năng suy nghĩ, tư duy có tính phê phán. Ví dụ như người học có cơ hội được tìm hiểu, phân tích các biện pháp nghệ thuật tu từ sử dụng trong truyện, thơ, văn và tìm ra thông điệp được gửi gắm, hoặc phân tích và tìm hiểu các quảng cáo ở nhiều dạng thức khác nhau như tranh, phim quảng cáo, vv... Tham gia học phần này, người học cũng sẽ có cơ hội được phát triển khả năng tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác và trôi chảy thông qua việc khám phá nhiều thể loại văn bản đa dạng như đoạn văn, bài thơ, bài báo, tin tức, tranh ảnh, tranh minh họa, vv... Môn học áp dụng hình thức học kết hợp nhiều kỹ năng, học thông qua thực hành. Tham gia học phần này, người học còn có cơ hội phát triển nhiều kỹ năng học thuật quan trọng như làm việc nhóm hay quản lý thời gian cá nhân cũng như các kỹ năng cần thiết trong việc sử dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho các bài tập lớn và nhỏ tính khám phá cả trên lớp và ngoài lớp.

## **23. FLF1001 Cảm thụ nghệ thuật 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm các chuyên đề về nghệ thuật như hội họa, âm nhạc, điện ảnh, nhiếp ảnh, kiến trúc, tạo hình v.v. Thông qua việc cảm nhận các loại hình nghệ thuật, học phần sẽ bồi dưỡng cho người học khả năng cảm thụ nghệ thuật, phát triển khả năng cảm thụ thẩm mỹ cho người học. 24. HIS1053 Lịch sử văn minh thế giới 2 tín chỉ Môn học tiên quyết: Không có Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này về cơ bản là một học phần lịch sử, thỏa mãn trí tò mò của những sinh viên muốn tìm hiểu quá trình phát triển của các nền văn minh trên thế giới và từ đó đưa ra được những lí giải lịch sử cho mối quan hệ giữa các nền văn hóa trong hiện tại cũng như các vấn đề đương đại. Mọi hiện tượng đều tồn tại trong một quá trình phát triển và không thể tách rời hiện tại khỏi quá khứ nếu muốn tìm hiểu căn nguyên của những gì đang diễn ra. “Lịch sử văn minh thế giới” sẽ giới thiệu cho sinh viên về sự hình thành và phát triển của các nền văn minh lớn trên thế giới, bao gồm các nền văn minh châu Âu và các nền văn minh không phải châu Âu: Hồi giáo và thế giới Hồi giáo; Châu Phi; Viễn Đông (Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Triều Tiên, Đông Nam Á, Đông Dương...). Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những tương đồng và dị biệt về mặt văn hóa giữa những nền văn hóa thế giới quan trọng. Trọng tâm của học phần là văn hóa phương Tây và châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Sự khác biệt ví như giữa phương Tây và Hồi giáo và sự ảnh hưởng hai chiều ví dụ như những ảnh hưởng của văn hóa châu Á tới xã hội phương Tây từ cuối thế kỷ 19 sẽ được thảo luận. Bên cạnh đó, vấn đề toàn cầu hóa cũng được thảo luận dựa vào những ảnh hưởng của văn hóa châu Mỹ và châu Á. Mục đích

chính của học phần là cải thiện kỹ năng liên văn hóa của sinh viên dưới khía cạnh đấu tranh xung đột và tránh xung đột trong khuôn khổ những hoạt động nghề nghiệp quốc tế hiện đại.

#### **24. FLF1004 Văn hóa các nước ASEAN 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Không có

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các nền văn hóa của các nước trong khối ASEAN, những tương đồng và dị biệt giữa các nền văn hóa này. Đặc biệt là những kiến thức chuyên sâu về văn hóa Malaysia với những quốc gia Malaysia, Indonesia và Brunây và những hệ thống giá trị khác biệt của quốc gia này so với các quốc gia khác. Mặc dù có chung nguồn gốc nhưng do sự phát triển lịch sử khác nhau nên các quốc gia như Việt Nam, Campuchia, Thái Lan, Lào và Myanmar lại có những khác biệt đáng kể. Singapore và Philippin có những điểm đặc biệt khi so sánh với các nhà nước của các quốc gia khác. Sự phát triển lịch sử khác nhau, đặc biệt sự phát triển của chủ nghĩa thuộc địa cũng là trọng tâm chính của học phần. Sự phát triển chung của các quốc gia trong khối này từ năm 1967 cũng được thảo luận. Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình tại lớp: Giảng viên trình bày những nội dung cơ bản của chương trình học và những mục tiêu cần đạt; thống nhất với sinh viên về những vấn đề cần được đưa ra thảo luận. Sinh viên được chia thành các nhóm và mỗi nhóm chuẩn bị và trình bày về một chủ đề (gồm những vấn đề đã thống nhất trước với giảng viên). Thảo luận tại lớp: Giảng viên và tất cả các sinh viên nghe báo cáo, góp ý kiến và tranh luận về những vấn đề được trình bày. Tự học: Sinh viên phải tự học và nghiên cứu tài liệu ở nhà, ở thư viện theo kế hoạch, nhiệm vụ và nội dung do giảng viên giao.

#### **25. JAP2001 Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần

(1) Ngữ pháp học tiếng Nhật 1: Các kiến thức cơ bản về hệ thống từ loại của tiếng Nhật (danh từ, tính từ, động từ, phó từ, chỉ thị từ, từ nối, số từ, trợ từ, trợ động từ, ...) tạo cơ sở cho việc sử dụng và học tập, nghiên cứu tiếng Nhật của người học sau này.

(2) Ngữ âm học tiếng Nhật: Một số kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm của tiếng Nhật. Mô tả, giải thích (có đối chiếu, so sánh với các âm gần giống với các âm trong tiếng Việt) các cách cấu âm khi phát âm các âm trong tiếng Nhật, thông qua đó tiến hành cho sinh viên luyện phát âm, đặc biệt là các âm khó, dễ mắc lỗi và khó nhận biết đối với người Việt Nam. Đưa ra một số hướng gợi ý để sinh viên có thể so sánh sự khác biệt trong phát âm tiếng Nhật và tiếng Việt. Gợi mở sinh viên chọn đề tài nghiên cứu, chuẩn bị ngữ liệu, so sánh, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ trên bình diện ngữ âm, viết báo cáo và trình bày trên lớp.

#### **26. JAP2002 Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1 (JAP2001)

Tóm tắt nội dung học phần (1) Ngữ pháp học tiếng Nhật 2: - Giới thiệu các vấn đề cơ bản trong ngữ pháp tiếng Nhật ở cấp độ câu: quan hệ cú pháp, các thành phần trong câu tiếng Nhật, các kiểu câu, đặc biệt là cấu trúc câu phức (các loại mệnh đề phụ), các phương thức ngữ pháp thể hiện thức bị động, thể, tình thái được sử dụng trong thành phần vị ngữ cuối câu tiếng Nhật - Giới thiệu các đặc trưng và kiểu câu tiếng Nhật. (2) Từ vựng học tiếng Nhật: - Giới thiệu các cách phân loại đối với hệ thống từ vựng tiếng Nhật dựa theo đặc điểm từ loại, nguồn gốc, đặc điểm cấu tạo của từ, các phương pháp tạo từ, các cấu trúc nghĩa của từ, đặc điểm sử dụng các lớp từ trong tiếng Nhật, cơ chế hoạt động của nghĩa của từ. - Giới thiệu một số xu hướng, trào lưu sử dụng, tâm lí sử dụng từ ngữ (phụ thuộc tuổi tác, lĩnh vực). - Hướng dẫn học viên khảo sát, phân tích một số kiểu định nghĩa từ trong một số từ điển tiếng Nhật, từ điển Nhật - Việt.

### **27. JAP2003 Đất nước học Nhật Bản 1 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Địa lý đại cương (JAP1001)

Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho học sinh các tri thức cơ bản về những mặt chính trong cuộc sống sinh hoạt của người Nhật ( ví dụ như ăn , mặc , ở , đi lại , chi tiêu, mua sắm, lễ hội, vui chơi giải trí, học tập v.v.) đồng thời cho học sinh làm quen với đặc điểm và hoạt động của các hệ thống trong xã hội Nhật Bản như hệ thống y tế, hệ thống giáo dục, hệ thống bưu điện, hệ thống ngân hàng v.v.. Giờ học được tiến hành bằng tiếng Nhật do đó còn trang bị cho học sinh một khối lượng từ vựng cũng như cách diễn đạt phong phú liên quan đến các chủ đề trên.

### **28. JAP2004 Giao tiếp liên văn hóa 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Đất nước học Nhật Bản 1 (JAP2003) Nhập môn văn hóa các nước Châu Á (JAP2015)

Tóm tắt nội dung học phần Môn học giới thiệu về quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa. Thông qua sự so sánh điểm tương đồng và khác biệt giữa văn hóa, ngôn ngữ Việt Nam và Nhật Bản, học phần giúp người học lý giải sâu về văn hóa 2 nước, đồng thời có một cách nhìn mang tính khách quan về văn hóa Việt Nam và Nhật Bản.

### **29. JAP2005 Hán tự học tiếng Nhật 3 tín chỉ**



Môn học tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản liên quan đến lịch sử chữ Hán trong tiếng Nhật, các cách cấu tạo chữ Hán, cách viết chữ Hán
- Cung cấp kiến thức về các bộ thủ cơ bản trong tiếng Nhật, ý nghĩa của các bộ thủ
- Trang bị cho sinh viên vốn chữ Hán phong phú

### **32. JAP2006 Ngữ dụng học tiếng Nhật 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2 (JAP2002) Ngôn ngữ học đối chiếu (JAP2007)

Tóm tắt nội dung học phần

- Trình bày các khái niệm: Chỉ xuất, hàm ý, tiền giả định, ngữ vi, lịch sự, phân tích diễn ngôn.
- Áp dụng lí luận để phân tích hội thoại và một số các trích dẫn từ các tác phẩm văn học Nhật Bản.

### **33. JAP2008 Phân tích diễn ngôn 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C , Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1 (JAP2001), Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2 (JAP2002)

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học:

- Khái niệm, phân loại diễn ngôn và những vấn đề chung về diễn ngôn.
- Khái niệm và những vấn đề cơ bản về phân tích diễn ngôn.
- Các khuynh hướng, quan điểm về phân tích diễn ngôn và văn bản.
- Hướng dẫn phân tích một số diễn ngôn.

- Một số thuật ngữ trong phân tích diễn ngôn .

### **34. JAP2009 Ngữ pháp chức năng 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C , Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1 (JAP2001), Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2 (JAP2002)

Tóm tắt nội dung học phần Cung cấp cho người học: - Khái niệm và những vấn đề chung về ngữ pháp chức năng. - Các khuynh hướng, quan điểm về ngữ pháp chức năng và lí thuyết ngữ pháp chức năng hiện thời. - Nhận diện các kiểu câu mà Ngữ pháp chức năng xác lập. - Phân tích câu theo cấu trúc Đề - Thuyết.

### **35. JAP2010 Văn học Nhật Bản 1 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự ra đời và phát triển của nền văn

học Nhật Bản, đặc trưng của văn học Nhật Bản trong các thời đại từ thời cổ đại đến

ngày nay. Qua việc giới thiệu, phân tích các bối cảnh lịch sử, xã hội, các tác giả, tác

phẩm tiêu biểu của từng thời đại, giờ học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn toàn cảnh về văn học Nhật Bản nói riêng, xã hội Nhật Bản nói chung, đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng tiếng Nhật trong lĩnh vực văn học.

### **36. JAP2011 Đất nước học Nhật Bản 2 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Ngôn ngữ học tiếng Nhật 2 (JAP2002)

Tóm tắt nội dung học phần

- Giới thiệu các quan điểm, nhân sinh quan, thế giới quan của người Nhật.

- Giúp người học có cái nhìn khái quát nhất về những đặc điểm, nét đặc trưng trong văn hóa Nhật Bản, có kiến thức cơ bản về cơ cấu xã hội, thể chế chính trị... của Nhật, mức sống, tuổi thọ, thói quen, sở thích, nhân sinh quan... của người Nhật.

- Thông qua việc tìm hiểu văn hóa Nhật bản, người học sẽ so sánh và tìm ra được nét giống và khác nhau với văn hóa Việt Nam.

- Phát triển kỹ năng đọc, viết và nói ở trình độ cao.

### **37. JAP2012 Văn học Nhật Bản 2 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C , Đất nước học Nhật Bản 1 ( JAP2003), Văn học Nhật Bản 1 (JAP2010)

Tóm tắt nội dung học phần: - Người học sẽ được đọc các tác phẩm hoặc các đoạn trích của các tác phẩm trong các giai đoạn. Thông qua đó, người học có thể phân tích và nắm được những đặc điểm về xã hội, văn hóa, tư tưởng... của người Nhật Bản và những đặc trưng về tình hình Nhật Bản ngày nay. 38. JAP2015 Văn hóa các nước Châu Á 3 tín chỉ

Môn học: Tự chọn Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C Tóm tắt nội dung học phần

- Cung cấp kiến thức cơ bản liên quan đến các khái niệm văn hoá, văn minh, quá trình

phát triển của nền văn minh trên thế giới nói chung

- Giới thiệu những đặc trưng cơ bản của một số nền văn minh trên thế giới, những thành quả, di sản của các nền văn minh này.

- Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, trao đổi ý kiến và thuyết trình về một số chủ đề liên quan.

### **39. JAP5001 Tiếng Nhật 1A 4 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Khi học môn tiếng Nhật 1A, sinh viên sẽ có được lượng kiến thức tiếng Nhật cơ bản

của trình độ sơ cấp bao gồm: các mẫu ngữ pháp cơ bản, 500-700 từ vựng cơ bản,

khoảng 200 chữ Hán thông dụng nhất liên quan đến đời sống hàng ngày. Những từ ngữ đó được sử dụng trong cả văn bản trang trọng và hội thoại thường ngày. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa Nhật , địa lý Nhật Bản và cách suy nghĩ, tư duy của người Nhật. Ngoài ra,

trong học phần này cũng tích hợp kỹ năng đọc và viết. Do vậy, ngoài các kiến thức ngôn ngữ được nêu trên, sinh viên sẽ được rèn luyện các kỹ năng đọc và viết.

Kỹ năng đọc hiểu: Áp dụng các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học vào kỹ năng

đọc hiểu. Các tài liệu đọc phù hợp với năng lực của sinh viên ở giai đoạn này là các bài đọc gần gũi với đời sống như thư điện tử, các bản thông báo, hoặc quảng cáo. Sau khi học học phần này, sinh viên có thể:

- Đọc và hiểu được nội dung của những đoạn văn đơn giản, ngắn gọn có nội dung là

các sự việc cụ thể, quen thuộc. Các đoạn văn đó thường sử dụng các từ liên quan đến

cuộc sống hàng ngày hoặc liên quan đến công việc.

-Đọc và hiểu được cấu trúc của các câu đơn giản, cụ thể. - Hiểu được chủ đề và các nội dung chính mà bài đọc hướng tới thông qua các hoạt động : Tìm từ khoá, tìm ý nghĩa chính của các từ chỉ thị, hỏi và trả lời được các câu hỏi 5W, tìm các thông tin chính trong bài.... Kỹ năng viết: Ở học phần này, sinh viên được học 3 loại chữ viết trong tiếng Nhật: chữ Hiragana, Katakana và chữ Hán( khoảng 200 chữ thông dụng nhất). Ngoài ra, sinh viên cũng được luyện viết các câu đơn giản, rồi phát triển thành các đoạn văn ngắn về các chủ đề gần gũi như : giới thiệu bản thân mình, gia đình mình, sở thích của bản thân ..., hoặc viết về cảm tưởng, cảm xúc của mình dưới dạng thư từ, nhật ký, blog... Nội dung môn tiếng Nhật 1A và tiếng Nhật 2A được chia ra 20 bài giới thiệu các tình huống, các chức năng sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày. Qua các tình huống giao tiếp đó, người học được tiếp xúc với các loại chữ viết trong tiếng Nhật, cùng các mẫu ngữ pháp cơ bản trong tiếng Nhật, 500-700 từ vựng cơ bản, khoảng 200 chữ Hán thông dụng liên quan đến đời sống hàng ngày. Mỗi bài gồm khoảng 20- 30 từ vựng mới, và từ 10 đến 15 mẫu câu mới. Ở mỗi bài còn có các bài khoá, hoặc các bài hội thoại thông qua đó người học có thể làm quen với văn hoá, đời sống của người Nhật.

#### **40. JAP5002 Tiếng Nhật 1B 4 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần Môn tiếng Nhật 1B được thiết kế tích hợp giữa hai kỹ năng nghe và nói được giảng dạy trong 15 tuần . Cung cấp các kỹ năng cơ bản nghe và nói phục vụ hoạt động giao tiếp bằng tiếng Nhật trên cơ sở sử dụng các cấu trúc và vốn từ vựng sinh viên đã được học trong môn Tiếng Nhật 1A. Nội dung chủ yếu của học phần này các tình huống và các chức năng giao tiếp cơ bản như: làm quen, tự giới thiệu bản thân, cách nói về giá cả, cách nói về các hoạt động sinh hoạt hàng ngày... Giáo trình học phần được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách logic và thuyết phục. Ngoài ra, trong học phần này, giáo viên sẽ sử dụng thêm một số tài liệu phụ trợ một mặt để nâng cao kỹ năng nghe và nói của người học, mặt khác cung cấp các kiến thức văn hoá xã hội, đời sống của người Nhật

## 41. JAP5003 Tiếng Nhật 2A 4 tín chỉ

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 1A, Tiếng Nhật 1B

Tóm tắt nội dung học phần

Môn Tiếng Nhật 2A ngoài việc cung cấp các kiến thức ngữ pháp cơ bản, trong học

phần này chúng tôi tích hợp cả hai kỹ năng đọc hiểu và viết. Khi học học phần này sinh viên được học lượng kiến thức tiếng Nhật cơ bản của trình độ sơ cấp bao gồm: các mẫu ngữ pháp cơ bản, 500-700 từ vựng cơ bản, khoảng 200 chữ Hán thông dụng nhất liên quan đến đời sống hàng ngày. Những từ ngữ đó được sử dụng trong cả văn bản trang trọng và hội thoại thường ngày. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa Nhật, địa lý Nhật Bản và cách suy nghĩ, tư duy của người Nhật.

Kỹ năng đọc hiểu: Áp dụng các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học vào kỹ năng

đọc hiểu. Các tài liệu đọc phù hợp với năng lực của sinh viên ở giai đoạn này là các bài đọc gần gũi với đời sống như thư điện tử, các bản thông báo, hoặc quảng cáo. Sau khi học học phần này, sinh viên có thể:

- Đọc và hiểu được nội dung của những đoạn văn đơn giản, ngắn gọn có nội dung là

các sự việc cụ thể, quen thuộc. Các đoạn văn đó thường sử dụng các từ liên quan đến cuộc sống hàng ngày hoặc liên quan đến công việc.

- Đọc và hiểu được cấu trúc của các câu đơn giản, cụ thể.

- Hiểu được chủ đề và các nội dung chính mà bài đọc hướng tới thông qua các hoạt

động như:

Tìm từ khoá, tìm ý nghĩa chính của các từ chỉ thị, hỏi và trả lời được các câu hỏi

5W, tìm các thông tin chính trong bài....

Kỹ năng viết: Ở học phần này, sinh viên được học 3 loại chữ viết trong tiếng Nhật:

chữ Hiragana, Katakana và chữ Hán( khoảng 200 chữ thông dụng nhất).

Ngoài ra, sinh viên cũng được luyện viết các câu đơn giản, rồi phát triển thành các đoạn văn ngắn về các chủ đề gần gũi như : giới thiệu bản thân mình, gia đình mình, sở thích của bản thân ..., hoặc viết về cảm tưởng, cảm xúc của mình dưới dạng thư từ, nhật ký, blog...

## **42. JAP5004 Tiếng Nhật 2B 4 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 1A, Tiếng Nhật 1B

Tóm tắt nội dung học phần

Giáo trình học phần được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách logic và thuyết phục.

Cung cấp các kỹ năng cơ bản nghe và nói phục vụ hoạt động giao tiếp bằng tiếng Nhật trên cơ sở sử dụng các cấu trúc và vốn từ vựng sinh viên đã được học trong môn Tiếng Nhật 1A, 1B, 2A. Nội dung chủ yếu của học phần này các tình huống và các chức năng giao tiếp cơ bản như: làm quen, tự giới thiệu bản thân, cách nói về giá cả, cách nói về các hoạt động sinh hoạt hàng ngày... Giáo trình học phần được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách logic và thuyết phục.

Ngoài ra, trong học phần này, giáo viên sẽ sử dụng thêm một số tài liệu phụ trợ một mặt để nâng cao kỹ năng nghe và nói của người học, mặt khác cung cấp các kiến thức văn hoá xã hội, đời sống của người Nhật.

## **43. JAP5005 Tiếng Nhật 3A 4 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 2A, Tiếng Nhật 2B

Tóm tắt nội dung học phần

Giáo trình học phần được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách logic và thuyết phục. Ngoài ra, trong học phần này, giáo viên sẽ sử dụng thêm một số tài liệu phụ trợ một mặt để nâng cao kỹ năng nghe và nói của người học, mặt khác cung cấp các kiến thức văn hoá xã hội, đời sống của người Nhật. Kỹ năng đọc hiểu: Sinh viên có thể sử dụng những kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học để có thể hiểu được nội dung một số loại văn bản khác nhau trong cuộc sống hàng ngày như: các tờ thông báo, các bản tin, hoặc các bài báo viết về các vấn đề xã hội Nhật Bản .. Đồng thời, sinh viên cũng có thể đọc được các bài khoá đơn giản có tính truyền tải thông tin về những đề tài ưa thích hay thuộc chuyên môn của bản thân với mức độ hiểu chấp nhận được. Đặc biệt trong học phần này, sinh viên được học cách chia đoạn văn bản, đặt đầu đề cho một bài viết hay một đoạn văn bất kỳ trên cơ sở đọc hiểu và thu tóm các ý chính của văn bản hay đoạn văn đó. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, đọc lướt những văn bản bắt được đại ý của văn bản. Ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng viết tóm tắt nội dung bài văn, hay viết cảm tưởng của mình về một nội dung bài đọc nào đó. Kỹ

năng viết: Học học phần này, sinh viên có thể viết được các văn bản dễ hiểu, có liên kết về nhiều loại đề tài quen thuộc ưa thích, bằng cách kết nối một loại các sự kiện cụ thể thành một chuỗi tuyến tính. Có thể mô tả đơn giản, chi tiết về nhiều đề tài ưa thích. Ngoài ra, sinh viên có thể viết các bài luận ngắn, đơn giản về các đề tài ưa thích. Đồng thời, vừa để nâng cao kỹ năng đọc và kỹ năng viết, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng tóm tắt nội dung văn bản. Kỹ năng mềm: Ngoài kiến thức và các kỹ năng trong ngôn ngữ, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như: phân tích, tổng hợp và xử lý văn bản, tìm kiếm thông tin và tài liệu trên các mạng thông tin đại chúng như báo chí, Internet...

#### **44. JAP5006 Tiếng Nhật 3B 4 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 2A , Tiếng Nhật 2B

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp các kỹ năng cơ bản để thực hiện giao tiếp bằng tiếng Nhật trên cơ sở sử dụng các cấu trúc và vốn từ vựng sinh viên đã được học ở năm thứ nhất và đang được tiếp tục nâng cao tại năm học thứ hai. Nhờ đó, một mặt sinh viên có thể ôn lại các kiến thức đã học ở các học phần khác, biết cách sử dụng các mẫu câu đã được học để ứng dụng thực tế khi tiến hành hội thoại, mặt khác, có thể phân tích tình huống, có cách diễn đạt tự nhiên như người bản xứ. Bên cạnh đó, sinh viên có thể hiểu được cách tiến hành hội thoại trong từng trường hợp và rèn luyện tư duy lô gic của sinh viên. Nội dung học phần được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách logic và thuyết phục.

Kỹ năng nghe: Trong học phần này, sinh viên được nghe các chủ đề quen thuộc thường gặp hàng ngày trong công việc, trường học, giải trí, hoặc các chương trình phát thanh, truyền hình thực tế có nội dung về các vấn đề thời sự, các chủ đề cá nhân, hay trong công việc nếu là cách nói tương đối chậm và rõ ràng. Kỹ năng nói: Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nói để có thể trao đổi về các chủ đề hoặc các hoạt động quen thuộc nếu cần phải trao đổi thông tin trực tiếp trong công việc đơn giản hàng ngày. Nhìn chung, có thể trao đổi một cách đơn giản xã giao tuy chưa đủ khả năng hiểu để duy trì hội thoại. Ngoài ra, sau học phần này, sinh viên có thể sử dụng một loạt các từ ngữ, hoặc câu để trình bày bằng từ ngữ đơn giản về gia đình, những người xung quanh, điều kiện sống, quá trình học tập và công tác.

#### **45. JAP5007 Tiếng Nhật 4A 4 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: Tiếng Nhật 3A , Tiếng Nhật 3B

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức ngôn ngữ ( từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán...) ở trình độ trung- cao cấp. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức văn hoá, xã hội cần thiết về đất nước Nhật Bản làm nền tảng cho các học phần lý luận ở trình độ cao hơn. Đồng thời, học phần cũng nâng cao và củng cố hơn nữa các kỹ năng đã học ở các học phần trước. Sinh viên có thể sử dụng những kiến thức đọc hiểu áp dụng cho môn nói và viết một cách linh hoạt và hiệu quả. Kỹ năng đọc hiểu: Mục tiêu của môn Tiếng Nhật 4A là rèn luyện cho người học các kỹ năng tìm

kiếm thông tin, sau đó phân tích và lựa chọn ra những thông tin cần thiết liên quan đến nội dung bài đọc về các chủ đề mang tính thời sinh trong xã hội Nhật Bản như: vấn đề lão hoá, hiện tượng sinh con ít... Để nâng cao kỹ năng đọc hiểu của sinh viên, trong học phần này chúng tôi chủ trương cho sinh viên đọc nhiều dạng văn bản khác nhau như: báo chí, tiểu thuyết, truyện ngắn... Kỹ năng viết: Để có sự nối kết với hoạt động đọc, trong học phần này, chúng tôi rèn luyện cho sinh viên có thể viết các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều đề tài sở trường, có thể tổng hợp và đánh giá thông tin và lập luận từ nhiều nguồn. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện cách viết một bài luận hay báo cáo trong đó phát triển một lập luận, đưa ra ý kiến ủng hộ hay phản bác lại một quan điểm cụ thể, cũng như giải thích được mặt lợi và hại của phương án đưa ra. Kỹ năng mềm: Ngoài kiến thức và các kỹ năng trong ngôn ngữ, sinh viên còn được rèn luyện các kỹ năng mềm như: phân tích, tổng hợp và xử lý văn bản, tìm kiếm thông tin và tài liệu trên các mạng thông tin đại chúng như báo chí, Internet...

#### **46. JAP5008 Tiếng Nhật 4B 4 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3A, Tiếng Nhật 3B

Tóm tắt nội dung học phần Trong học phần này, sinh viên ứng dụng các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học ở môn tiếng Nhật 1A, 1B, 2A, 2B, 3A, 3B vào việc thực hành nghe nói. Giáo trình học phần được chia làm nhiều chủ đề với các nội dung phong phú, các tình huống cụ thể giúp học sinh có được kiến thức cơ bản về giao tiếp, biết cách nhận thức và phân tích tình huống và có thể diễn đạt về một vấn đề nhất định một cách logic và thuyết phục. Kỹ năng nghe: Sau khi học môn Tiếng Nhật 4B sinh viên có thể hiểu được các ý chính của các hội thoại hàng ngày của người Nhật, nếu các hội thoại đó là các hội thoại sử dụng cách nói theo qui chuẩn, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc thường gặp hàng ngày trong công việc, trường học, giải trí. Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của các chương trình phát thanh, truyền hình về các vấn đề thời sự, các chủ đề cá nhân, hay trong công việc nếu là cách nói tương đối chậm và rõ ràng. Kỹ năng nói: Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nói để có thể trao đổi về các chủ đề hoặc các hoạt động quen thuộc nếu cần phải trao đổi thông tin trực tiếp trong công việc đơn giản hàng ngày. Nhìn chung, có thể trao đổi một cách đơn giản xã giao tuy chưa đủ khả năng hiểu để duy trì hội thoại. Ngoài ra, sau học phần này, sinh viên có thể sử dụng một loạt các từ ngữ, hoặc câu để trình bày bằng từ ngữ đơn giản về gia đình, những người xung quanh, điều kiện sống, quá trình học tập và công tác.

#### **47. JAP5009 Tiếng Nhật 3C 3 tín chỉ**

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này hoàn thiện năng lực ngôn ngữ của sinh viên đạt đến trình độ bậc 5 trở lên một cách chắc chắn và bền vững. Môn học tập trung hoàn thiện kỹ năng Nghe hiểu và Đọc và đọc hiểu, là hai kỹ năng lĩnh hội thông tin, giúp cho sinh viên tăng cường, củng cố không ngừng kiến thức ngôn ngữ của mình. Bên cạnh đó, học phần được thiết kế với trọng tâm giúp sinh viên làm quen với các dạng thức kiểm tra đánh giá năng lực theo chuẩn quốc tế

#### **48. JAP5010 Tiếng Nhật 4C 4 tín chỉ**



Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này hoàn thiện năng lực ngôn ngữ của sinh viên đạt đến trình độ bậc 5 trở lên một cách chắc chắn và bền vững. Môn học tập trung hoàn thiện kỹ năng Nói và Viết, là hai kỹ năng sản sinh ngôn ngữ, giúp cho sinh viên tăng cường, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ. Bên cạnh đó, học phần được thiết kế với trọng tâm giúp sinh viên làm quen với các dạng thức kiểm tra đánh giá năng lực theo chuẩn quốc tế

#### **49. PSF3007 Tâm lý học đại cương 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: PHI1004 (Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2)

Tóm tắt nội dung học phần Môn Tâm lý học dành cho sinh viên hệ sư phạm bao gồm các kiến thức tâm lý đại cương và các kiến thức tâm lý chuyên ngành sư phạm. Các kiến thức tâm lý đại cương gồm các phạm trù cơ bản của tâm lý học cũng như các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người. Trong chương trình, các phạm trù hoạt động, ý thức và nhân cách được phân tích sâu sắc. Các hiện tượng tâm lý như các quá trình tâm lý (các quá trình nhận thức: cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ,...), các trạng thái tâm lý (chú ý, tâm trạng,...) và các thuộc tính tâm lý (tình cảm, ý chí,...) cũng được đề cập một cách khá toàn diện. Thông qua việc trình bày mối quan hệ của các hiện tượng tâm lý với hiện thực khách quan, chương trình muốn đưa kiến thức tâm lý học gần gũi hơn nữa với thực tiễn cuộc sống của người học, giúp người học có thể hiểu tốt hơn và có những ứng dụng cụ thể hơn những kiến thức tâm lý này vào thực tiễn.

#### **50. PSF3008 Giáo dục học đại cương 3 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: PSF3007 (Tâm lý học)

Tóm tắt nội dung học phần Môn học đề cập các nội dung sau: Những vấn đề chung của giáo dục học; Lý luận dạy học; Lý luận giáo dục.

Phần 1: Những vấn đề chung của giáo dục học

Chuyên đề 1. Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học

Chuyên đề 2. Mục đích, mục tiêu giáo dục, các nhiệm vụ và các con đường giáo dục

Chuyên đề 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách  
Description: spacer

Chuyên đề 4. Lịch sử phát triển các tư tưởng giáo dục  
Chuyên đề 5. Các xu thế phát triển giáo dục trong thế kỉ 21

Phần 2: Lý luận dạy học

Chuyên đề 6: Những vấn đề cơ bản của Lý luận dạy học

Chuyên đề 7: Các xu thế dạy học hiện đại với việc phát huy tính tích cực của học sinh

Phần 3: Lý luận giáo dục  
Chuyên đề 8: Những vấn đề cơ bản của Lý luận giáo dục

Chuyên đề 9: Người giáo viên và việc xây dựng tập thể học sinh

### **51. PSF3009 QLHCNN và QL ngành giáo dục và đào tạo 2 tín chỉ**

Môn học tiên quyết: PSF3007 (Tâm lý học) PSF3008 (Giáo dục học)

Tóm tắt nội dung học phần + CĐ1: Một số vấn đề về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước. Công vụ, công chức. + CĐ2: Đường lối, quan điểm của nhà nước ta về giáo dục và đào tạo. + CĐ3: Luật giáo dục. + CĐ4: Công tác quản lý trường trung học. + CĐ5: Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giáo dục PTTH. b. Các chuyên đề sinh viên trình bày + So sánh hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam với các nước phát triển. Đánh giá. + So sánh xã hội hóa giáo dục của Việt Nam với các nước phát triển. Rút bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. + So sánh công tác quản lý giáo dục của Việt Nam với các nước phát triển. Rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. + Thách thức và cơ hội của giáo dục Việt Nam khi gia nhập WTO.

### **52. JAP3019 Lý luận giảng dạy tiếng Nhật 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần - Giới thiệu các khái niệm cơ bản, các từ chuyên ngành giáo học pháp bằng tiếng Nhật. - Giới thiệu các vấn đề cơ bản về lý luận giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Nhật nói riêng. - Nêu các khuynh hướng, quan điểm giảng dạy ngoại ngữ. - Hướng dẫn phân tích, lựa chọn giáo trình trong quá trình giảng dạy phù hợp với các đối tượng người học cụ thể theo các tiêu chí về giáo trình. - Giới thiệu các vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy tiếng Nhật và thiết kế các chương trình giảng dạy phù hợp.

### **53. JAP3031 Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Lý luận giảng dạy(JAP3031)

Tóm tắt nội dung học phần - Cung cấp cho học sinh các cách thức, trình tự tiến hành bài giảng cụ thể ở trình độ tiếng Nhật sơ cấp theo các kỹ năng thực hành tiếng. - Giới thiệu các bước và các kỹ năng giảng dạy mẫu câu cơ bản, đưa ra mức độ sử dụng của các mẫu câu, từ ngữ tiếng Nhật phù hợp với trình độ sơ cấp. - Hướng dẫn các hình thức luyện tập và các dạng bài luyện tập phổ biến ở trình độ sơ cấp. - Hướng dẫn và cho học viên luyện tập soạn giáo án và giảng mẫu.

### **54. JAP3032 Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 2 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 (JAP3031)

Tóm tắt nội dung học phần

- Cung cấp cho học sinh các cách thức, trình tự tiến hành bài giảng cụ thể ở trình độ tiếng Nhật trung cấp theo các kỹ năng thực hành tiếng.

- Giới thiệu các bước và các kỹ năng giảng dạy mẫu câu cơ bản, đưa ra mức độ sử dụng của các mẫu câu, từ ngữ tiếng Nhật phù hợp với trình độ trung cấp.

- Giới thiệu các bước và các kỹ năng giảng dạy môn tiếng Nhật tổng hợp.

- Hướng dẫn các hình thức luyện tập và các dạng bài luyện tập phổ biến ở trình độ trung cấp.

- Hướng dẫn và cho học viên luyện tập soạn giáo án và giảng mẫu.

- Hướng dẫn và cho học viên luyện tập soạn giáo án và giảng mẫu.

#### 55. JAP3015 Kỹ năng viết văn bản 3 tín chỉ

Môn học: Tự chọn Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại hình văn bản nói

chung, văn bản trong tiếng Nhật nói riêng và những kiến thức cần thiết khi soạn thảo văn bản như cấu trúc của văn bản, văn phong, quy chuẩn về hành chính, tính thẩm mỹ trong trình bày văn bản và những cấu trúc ngữ pháp, cách diễn đạt, từ vựng đặc thù của tiếng Nhật đối với mỗi loại hình văn bản. Môn học cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một số loại văn bản cơ bản bằng tiếng Nhật qua việc luyện tập thực tế.

#### 56. JAP3014 Kỹ năng thuyết trình 3 tín chỉ

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến kỹ năng nói,

kỹ năng thuyết trình nói chung, kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Nhật nói riêng. Qua việc cho sinh viên luyện tập nói/ thuyết trình trong các tình huống, ngữ cảnh, chủ đề khác nhau, học phần trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng, cách diễn đạt phong phú, kỹ năng nói tiếng Nhật một cách tự nhiên, kỹ năng trình bày ý kiến, quan điểm của mình một cách logic. Ngoài ra, qua việc luyện tập thực hành, học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng văn hoá – giao tiếp liên quan đến việc thuyết trình như thái độ, tư thế, cử chỉ, động tác, cách sử dụng thiết bị khi thuyết trình v.v..

#### 57. JAP3013 Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin 3 tín chỉ

Môn học: Tự chọn Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức ngôn ngữ ( từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán...) ở trình độ trung- cao cấp. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức văn hoá, xã hội cần thiết về đất nước Nhật Bản làm nền tảng cho các học phần lý luận ở trình độ cao hơn.

Đồng thời, học phần cũng nâng cao và củng cố hơn nữa các kỹ năng đã học ở các học phần trước. Sinh viên có thể sử dụng những kiến thức đọc hiểu áp dụng cho môn nói và viết một cách linh hoạt và hiệu quả.

### **58. JAP3012 Kỹ năng giao tiếp 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 3C, Tiếng Nhật 4C

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, các hình thức giao tiếp, văn hoá giao tiếp nói chung và các đặc trưng trong văn hoá giao tiếp của người Việt Nam và Nhật Bản nói riêng, làm cơ sở cho việc trang bị những kỹ năng mềm trong giao tiếp xã hội, giúp sinh viên thành công trong công việc nói riêng và trong cuộc sống nói chung. Qua việc thảo luận, phân tích, luyện tập, học phần giúp sinh viên trang bị những kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật trong các tình huống cụ thể.

### **59. PSF3009 Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Lý luận giảng dạy tiếng Nhật

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học tâm lý học dạy học ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học dạy học ngoại ngữ; khái niệm, các loại hình, hình thái, mức độ và cấu trúc của hoạt động lời nói ngoại ngữ; Các đặc trưng và quy luật của hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.

Ngoài ra, học phần này cũng giúp cho sinh viên hiểu được những quan điểm cơ bản về dạy học nắm vững ngoại ngữ và nội dung của dạy học nắm vững ngoại ngữ; sinh viên có được những kiến thức chung về kỹ năng lời nói ngoại ngữ và năng lực ngoại ngữ để từ đó có thể hiểu rõ hơn nữa về dạy học phát triển kỹ năng lời nói ngoại ngữ và dạy học phát triển năng lực ngoại ngữ ở người học.

Những kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên có nhu cầu, hứng thú tìm hiểu một ngôn ngữ mới, hứng thú với các hoạt động lời nói ngoại ngữ để từ đó góp phần hình thành năng lực và tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.

#### **60. JAP3010 Kiểm tra đánh giá 3 tín chỉ**

Môn học: Tên học phần tiên quyết: Lý luận giảng dạy tiếng Nhật

Tóm tắt nội dung học phần:

#### **61. JAP3033 Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 (JAP3031),

Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 (JAP3032)

Tóm tắt nội dung học phần

- Khái niệm giáo án và các yêu cầu của giáo án.
- Những vấn đề cơ bản về thiết kế giáo án.
- Thiết kế giáo án dạy các kỹ năng thực hành tiếng.
- Thiết kế giáo án dạy Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.
- Thực hành thiết kế giáo án dạy các kỹ năng thực hành tiếng.
- Thực hành thiết kế giáo án dạy Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp.
- Những vấn đề cơ bản về phát triển tài liệu.
- Khai thác học liệu trên mạng .

#### **62. JAP3051 Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 (JAP3031),

Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 (JAP3032)

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của khung chương trình (curriculum) và chương trình chi tiết của từng học phần ( syllabus), đồng thời giúp sinh viên hiểu và phân biệt rõ sự khác nhau trong việc thiết kế hai nội dung này. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các nguyên tắc cơ bản khi xây dựng chương trình và cách thức xác định mục tiêu, phạm vi, sắp xếp và xây dựng khung chương trình. Đồng thời sinh viên cũng có cơ hội thực hành xây dựng khung chương trình cho một đối tượng người học cụ thể, xây dựng đề cương chi tiết cho một học phần trong chương trình đó.

### **63. JAP3046 Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy ngoại ngữ 3 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Tên học phần tiên quyết: Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 1 (JAP3031),

Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật 2 (JAP3032)

Tóm tắt nội dung học phần

Cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của Khoa học công nghệ ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (vớ dụ như sử dụng trên Lớp, sử dụng để soạn giáo án, giáotrình, chế bản xử lý đề thi, bảo quản đề thi, tìm tài liệu, thông tin v.v...). Trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản để có thể tự mình ứng dụng khoa học công nghệ cho công việc giảng dạy, quản lý và nghiên cứu trong tương lai. Khai thác học liệu trên mạng .

### **64. JAP3001 Biên dịch 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 4C, Đất nước học Nhật Bản 1 (JAP2003)

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng khi tiến hành công tác biên dịch văn bản, cách phân tích văn bản gốc trước khi biên dịch. Hướng dẫn sinh viên thực hành dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật các cấu trúc cơ bản, cấu trúc được cho là khó dịch. Trên cơ sở các kiến thức cơ bản đã cung cấp, giảng viên hướng dẫn sinh viên tiến hành thực hành dịch các đoạn văn bản ngắn do giảng viên cung cấp thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa thể thao, du lịch, đầu tư thương mại, tiền tệ ngân hàng, hội nhập kinh tế, môi trường đầu tư, doanh nghiệp có tính cập nhật cao, chứa đựng nội dung phong phú trên mọi lĩnh vực phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng.

### **65. JAP3029 Phiên dịch 3 tín chỉ**

Tên học phần: Mã số học phần: Số tín chỉ: 3 Môn học: Bắt buộc

Tên học phần tiên quyết: Tiếng Nhật 4C, Đất nước học Nhật Bản 1 (JAP2003)

Tóm tắt nội dung học phần

\* Sử dụng các đoạn ghi âm, video, CD ngắn chia theo từng chủ đề, lĩnh vực, yêu cầu

sinh viên sử dụng các kỹ năng, vốn từ vựng được cung cấp để phiên dịch

\* Hướng dẫn sinh viên tự chọn các đoạn video hoặc các băng ghi âm các bài phát biểu

để tiến hành các buổi dịch demo.

\* Cùng sinh viên giải quyết các từ, cấu trúc được cho là khó dịch,

## **66. JAP4002 Thực tập 3 tín chỉ**

Môn học: Bắt buộc

Thực tập sư phạm diễn ra trong vòng 6 tuần tại các trường phổ thông. Trong quá trình thực tập, sinh viên được làm quen với các hoạt động tổ chức cũng như giảng dạy tại các trường phổ thông. Hoạt động thực tập được chia làm 2 mảng : một là tìm hiểu các Phương pháp giảng dạy .Môn học này lấy người học làm trung tâm, yêu cầu người học phải đóng vai trò chủ đạo trong quá trình học tập. Sinh viên được tạo điều kiện phát huy tính chủ động và độc lập trong quá trình học. Cụ thể có thể kết hợp các phương pháp sau :

Chuẩn bị bài học : Giảng viên yêu cầu sinh viên chuẩn bị các nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng trước khi đến lớp.

Thực hành : sinh viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng, vốn từ đã được trang bị để tiến hành các bài tập thực hành, rèn luyện kỹ năng. Giáo viên là người hướng dẫn, chỉ đạo. Giáo viên cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng dịch. Giáo viên phân chia sinh viên theo các nhóm và hướng dẫn sinh viên các thức chuẩn bị cho công tác phiên dịch, đồng thời hướng dẫn các nhóm tiến hành các buổi dịch demo. Sau khi sinh viên tiến hành các buổi dịch demo, giáo viên sẽ nhận xét, cùng sinh viên tìm cách giải quyết các lỗi dịch thuật, các cấu trúc khó... Giáo viên hệ thống lại và bổ sung nội dung kiến thức của các đề tài sinh viên đã phát biểu; thông qua các bài tập và bài kiểm tra khác trên lớp để xác nhận mức độ nắm vững kiến thức của cả lớp.

Phương pháp kiểm tra đánh giá Sinh viên được đánh giá về mặt chuyên cần và đánh giá thường xuyên qua các bài kiểm tra cá nhân, bài phát biểu, cùng với bài thi cuối kỳ. Các hạng mục kiểm tra cụ thể: (1) Chuyên cần: 10% (2) Kiểm tra thường xuyên: 40% , bao gồm: Bài tập nhóm: 15% (bài tập lớn: viết báo cáo) Bài tập cá nhân: 15% (bài tập nhỏ: 15%) Thảo luận trên lớp: 10% (3) Kiểm tra – đánh giá cuối kì: 50%

**GIÁO TRÌNH BẮT BUỘC** Tài liệu giảng dạy do giáo viên biên soạn hoạt động giảng dạy trong trường như nghe báo cáo về hoạt động của trường, dự giờ, lên kế hoạch thực tập ; hai là tiến hành hoạt động thực tập thông qua công tác chủ nhiệm và công tác thực tập chuyên môn. Trong công tác thực tập chuyên môn, sinh viên được thực hành việc soạn giáo án, đứng lớp và giảng bài theo giáo án, soạn bài tập, bài kiểm tra 15phút cho học sinh cấp 3...

## **67. JAP4052 Khoá luận tốt nghiệp 6 tín chỉ**

Môn học: Tự chọn

Sinh viên có thể lựa chọn viết khoá luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn trong số các môn tự chọn của mục IV và V. Các môn sinh viên có thể làm khoá luận là các môn lý thuyết như Lý luận giảng dạy, Ngôn ngữ Nhật Bản 1, Ngôn ngữ Nhật